CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land

Ngày 31/12/2024	5,550 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.9%	**7.1%**	**-2.5%**

DT thuần
Q4/24
114
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 45.0| 65.1%
YoY: ▲ 82.6| 263%

LN thuần
Q4/24
19.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.70| -19.4%
YoY: ▲ 7.90| 67.5%

LN sau thuế
Q4/24
13.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.20| -8.1%
YoY: ▲ 5.58| 75.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
61.6%
YoY: +/-▲ 15.9%

ROE
2024
1.1%
YoY: +/-▲ 0.6%

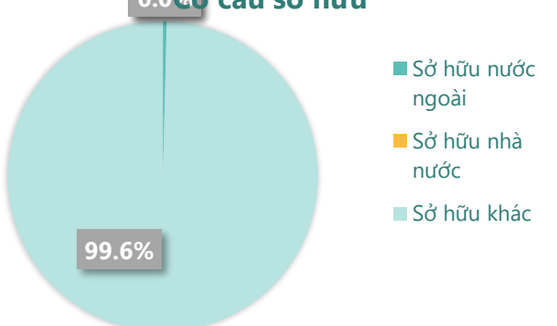
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,120 - 6,540
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,494
Số lượng CPLH (CP)	449,435,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,373,260
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	1.24
EPS	126
P/E	44.0

DT thuần
2024
310
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.0| -6.3%

LN thuần
2024
80.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 45.3| 129%

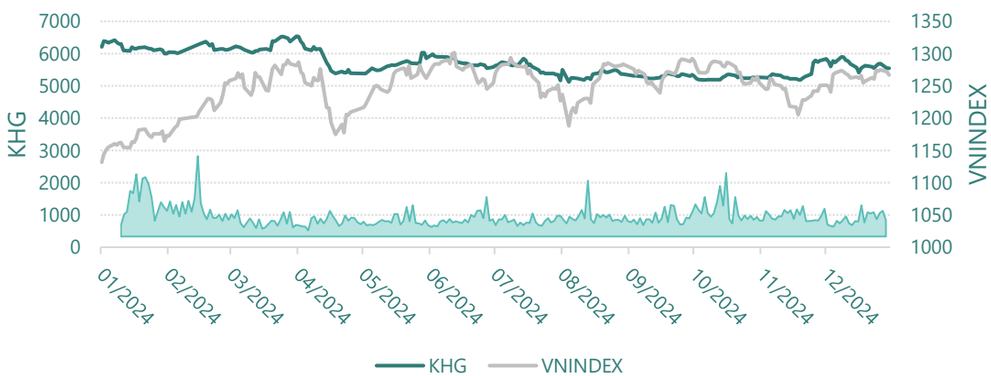
LN sau thuế
2024
56.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.3| 124%

Cơ cấu sở hữu

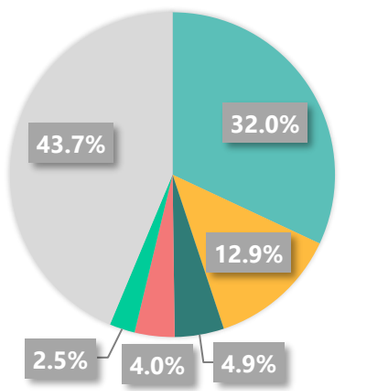


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

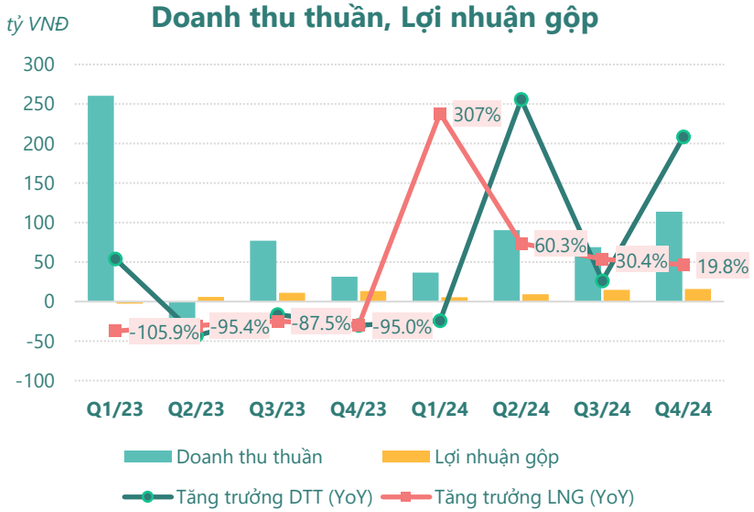


- Nguyễn Khải Hoàn (Chủ tịch HĐQT)
- Trần Thị Thu Hương
- Nguyễn Thị Nhàn
- Phan Tuấn Nghĩa
- Phan Thị Ngọc Yên
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

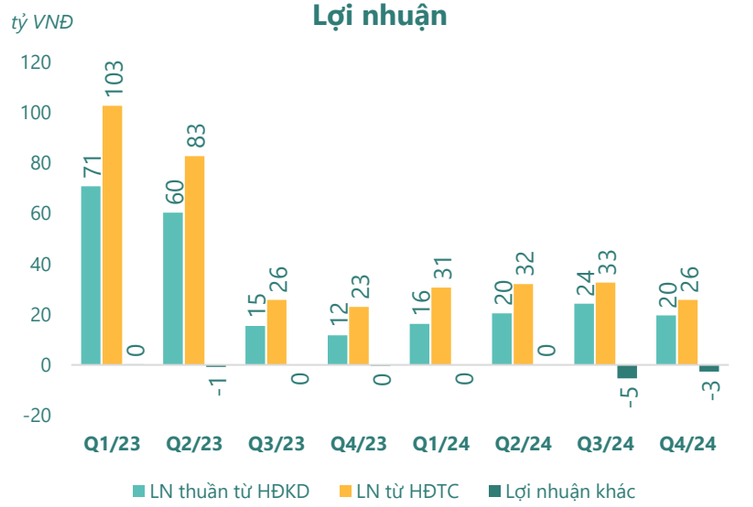
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



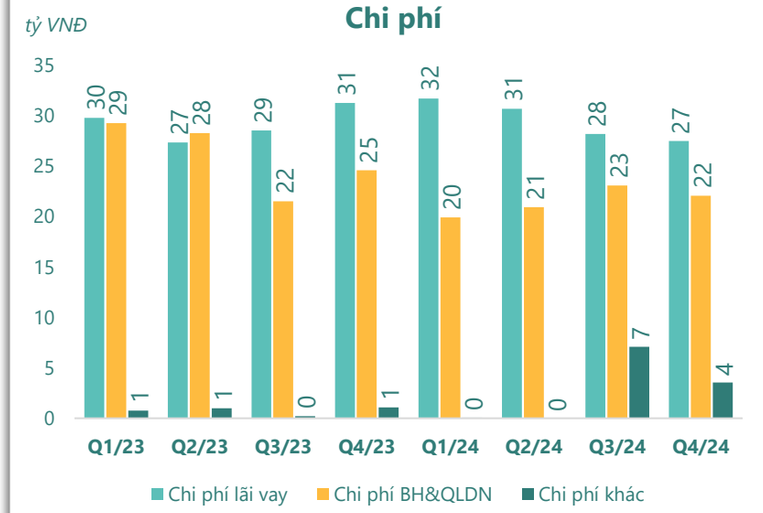
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



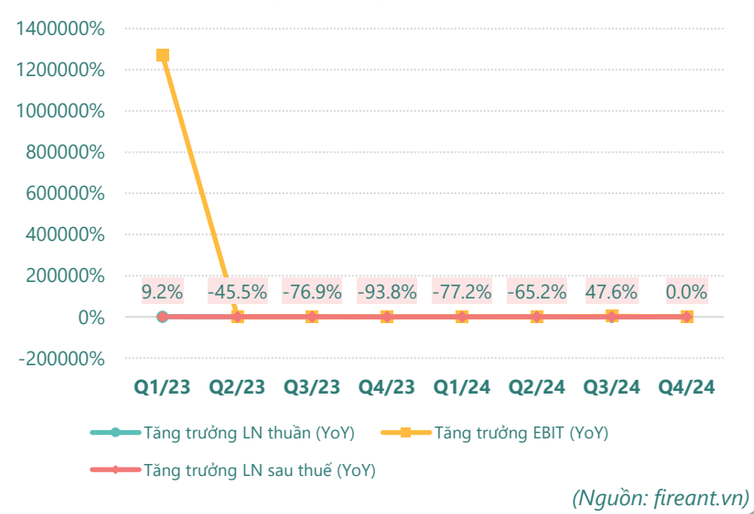
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



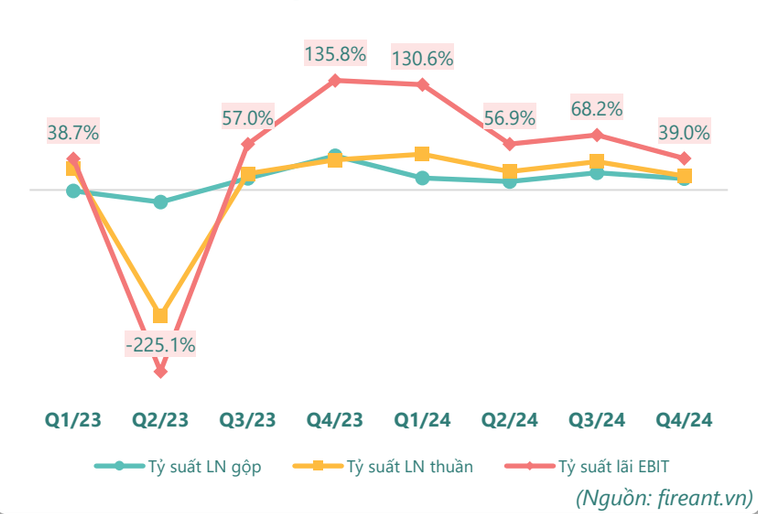
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



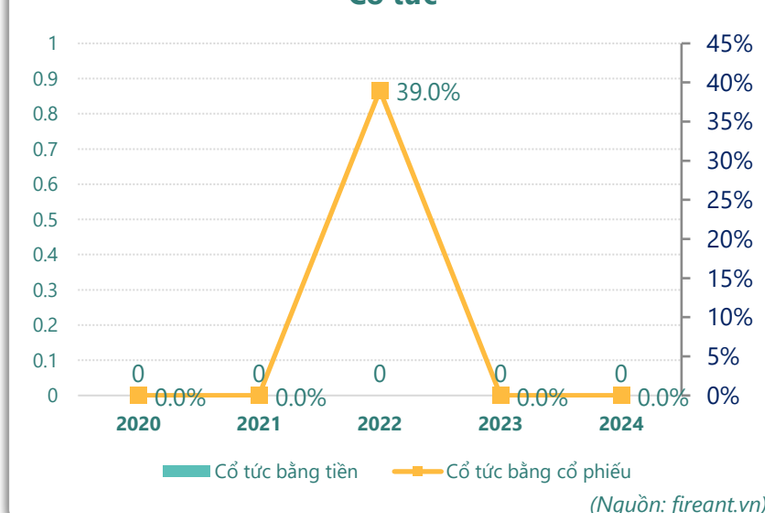
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

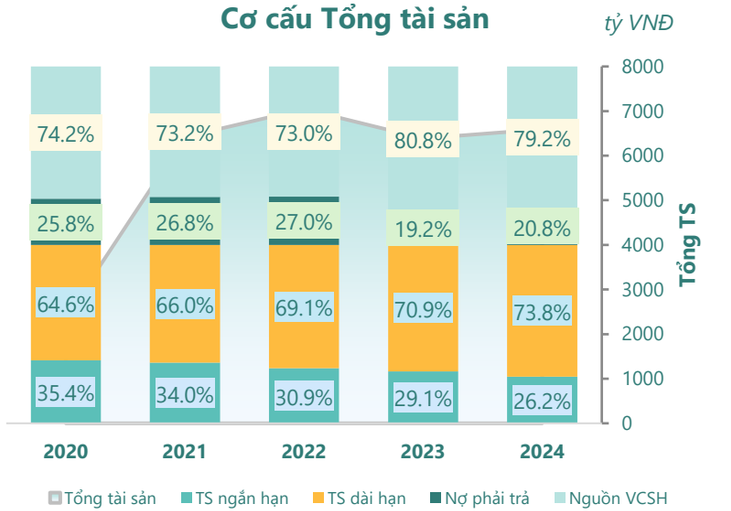
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

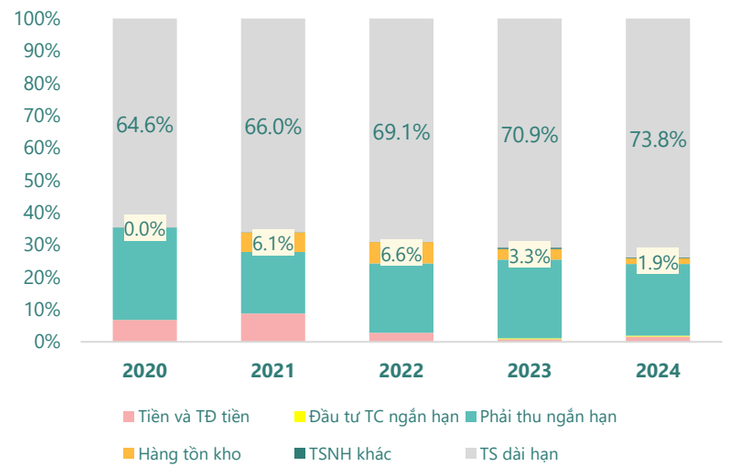
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



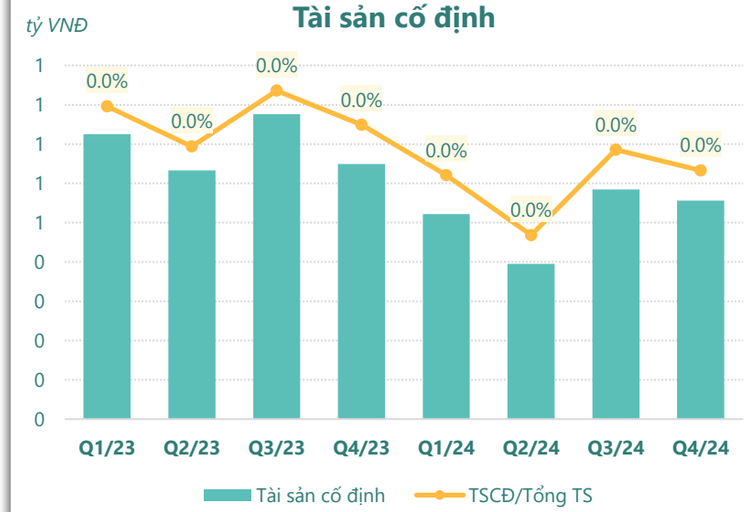
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



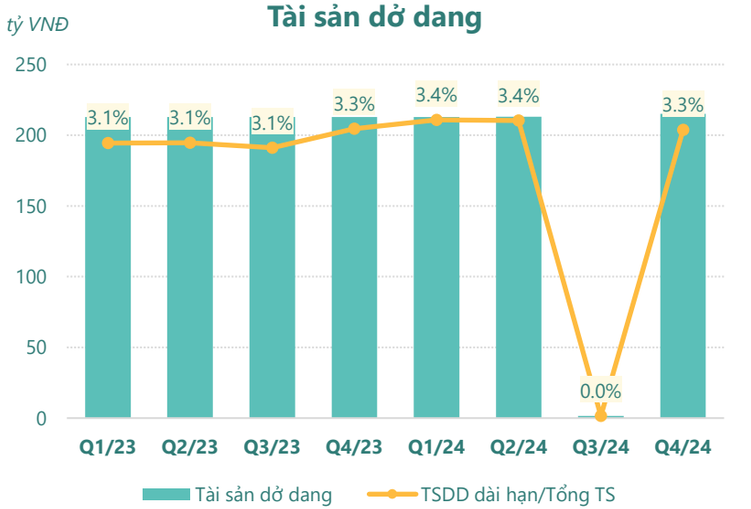
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



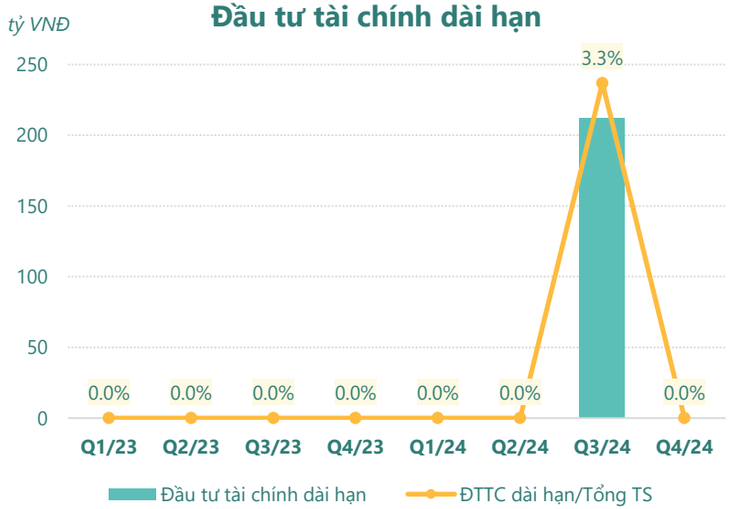
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



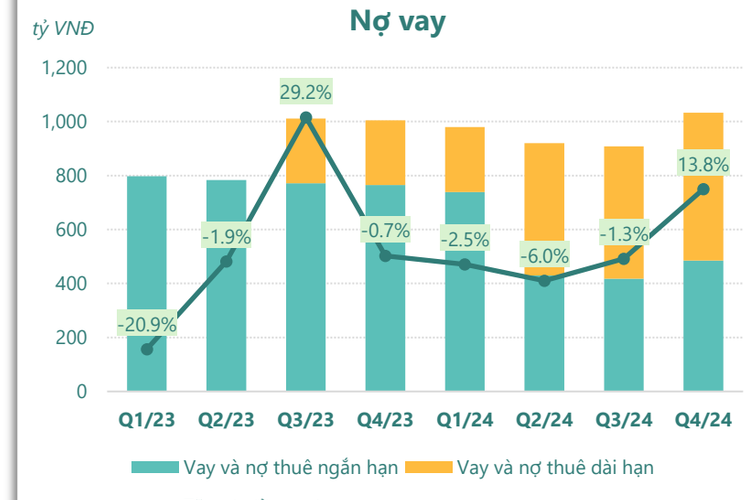
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

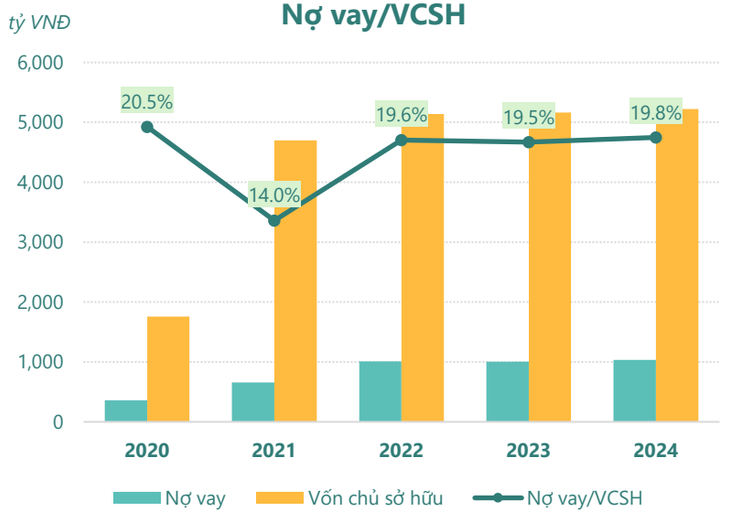
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

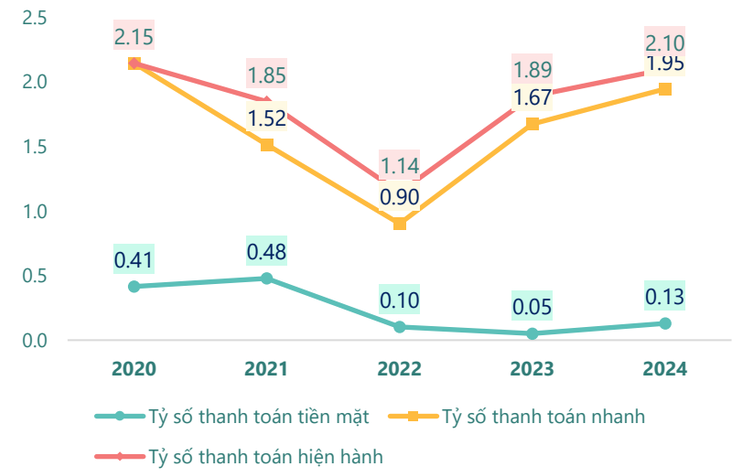
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



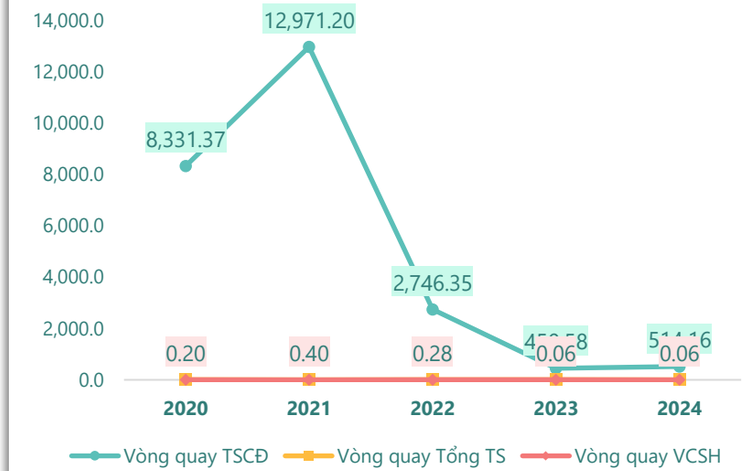
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



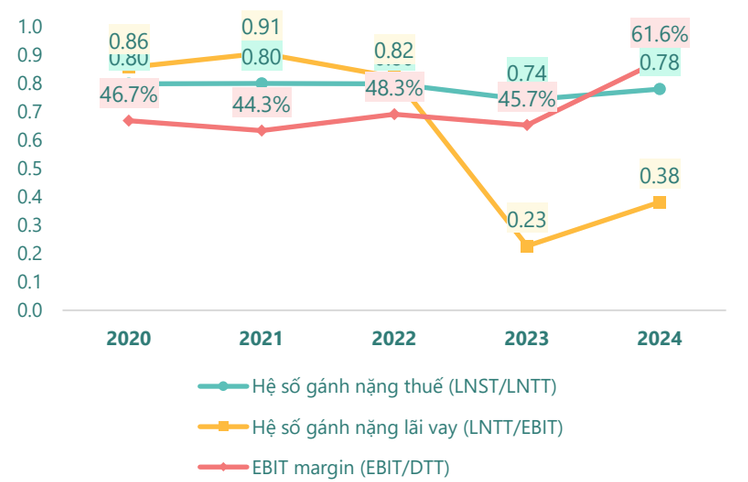
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



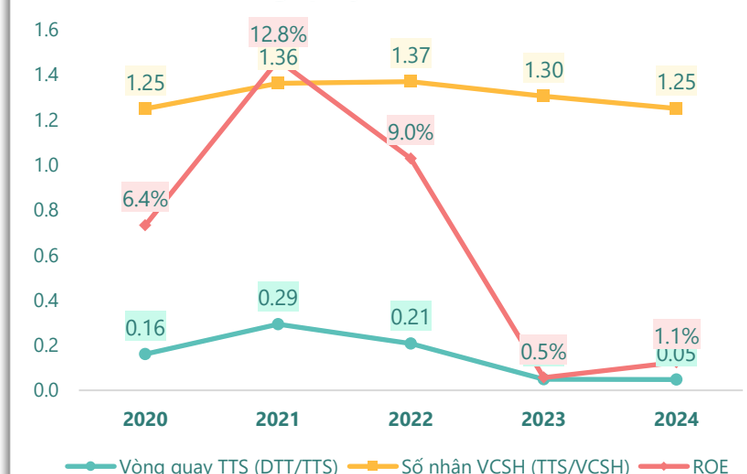
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



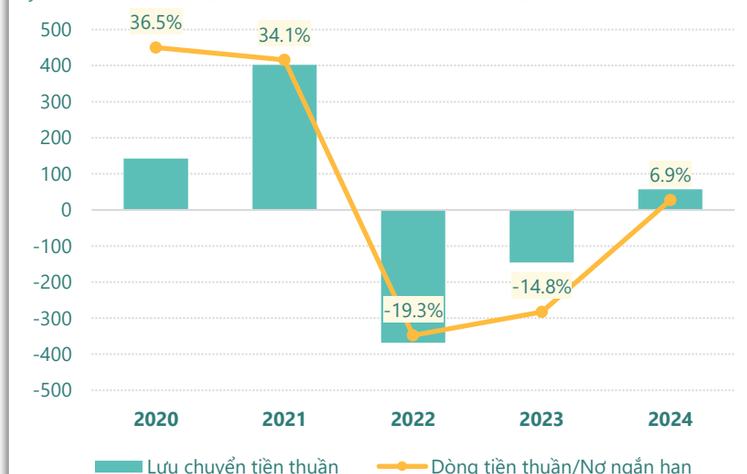
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**114**	**31.4**	**263%**	**310**	**331**	**-6.3%**
Giá vốn hàng bán	98.0	18.1	441%	264	303	-12.7%
Lợi nhuận gộp	15.9	13.3	19.6%	45.4	27.7	63.8%
Doanh thu HĐTC	59.0	56.4	4.6%	253	283	-10.7%
Chi phí TC	33.2	33.4	-0.6%	131	123	6.9%
Chi phí lãi vay	27.5	31.3	-12.1%	118	117	1.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	12.9	16.2	-20.1%	53.7	120	-55.3%
Chi phí QLDN	**9.14**	**8.35**	**9.5%**	**32.4**	**32.4**	**0.0%**
LN thuần từ HĐKD	19.6	11.7	67.5%	80.6	35.3	129%
Lợi nhuận khác	**-2.64**	**-0.37**	**-612%**	**-7.90**	**-1.07**	**-641%**
LN trước thuế	17.0	11.3	50.1%	72.7	34.2	113%
Lợi nhuận sau thuế	**13.0**	**7.42**	**75.9%**	**56.7**	**25.4**	**124%**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.0**	**7.42**	**75.9%**	**56.7**	**25.4**	**124%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-132	-86.5	-54.5	145	-686	-79.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	121	-101	44.3	-82.8	710	32.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	229	-6.69	-25.6	-59.2	-12.1	125
Tiền đầu kỳ	46.6	265	50.1	14.3	17.6	29.4
Lưu chuyển tiền thuần	**218**	**-194**	**-35.8**	**3.27**	**11.7**	**77.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	265	70.1	14.3	17.6	29.4	107

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,594**	**6,391**	**3.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,726	1,860	-7.2%
Tiền và tương đương tiền	107	50.1	113%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.1	20.0	5.7%
Phải thu ngắn hạn	1,457	1,553	-6.2%
Hàng tồn kho	125	211	-40.7%
Tài sản ngắn hạn khác	16.4	26.8	-39.0%
Tài sản dài hạn	**4,868**	**4,530**	**7.4%**
Phải thu dài hạn	4,602	4,288	7.3%
Tài sản cố định	0.56	0.65	-14.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	215	213	1.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**50.3**	**28.6**	**75.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,372	1,226	11.9%
Nợ ngắn hạn	**823**	**985**	**-16.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	485	765	-36.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.1	65.3	-66.1%
Nợ dài hạn	549	241	128%
Vay và nợ thuê dài hạn	548	240	129%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,222**	**5,165**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**5,222**	**5,165**	**1.1%**
Vốn điều lệ	4,494	4,494	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)